TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 23/5/2023
V/v : Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HÓA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Tiến
Bà Mai Thị Tiếp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Hà - Thư ký Tòa án thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 204/2023/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2023/QĐXX-ST ngày 10 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thùy D - Sinh năm 1994 "có mặt"
Trú tại: Phố E, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.
Bị đơn: Anh Nguyễn Quang L - Sinh năm 1992 "vắng mặt"
Trú tại: Phố E, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.
Hiện đang chấp hành cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện số 1 tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lê Thùy D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Quang L kết hôn với nhau vào năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm cách sống khác nhau, hơn nữa

là do anh L nghiện ma túy nên thường xuyên đánh chửi chị dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, thiếu tôn trọng nhau lẫn nhau. Chị cùng gia đình đã nhiều lần khuyên anh L cai nghiện ma túy nhưng không có kết quả. Hiện anh L đang đi chấp hành cai nghiện tập trung tại Cơ sở cai nghiện số 1 Thanh Hóa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con: Anh chị có 02 con chung: cháu Nguyễn Linh C - SN 23/10/2014 và cháu Nguyễn Ngọc D1 - SN 22/9/2020. Ly hôn, chị xin được nuôi 02 cháu và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Quang L trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn anh đồng ý như chị D trình bày. Quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đã được gia đình hòa giải. Nay chị D có đơn xin ly hôn, quan điểm của anh không đồng ý ly hôn.

Về con: Anh đồng ý có 02 con chung như chị D trình bày nhưng không đồng ý giao 02 cháu cho chị D nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con vì bản thân anh đang đi cai nghiện tập trung nên không có thu nhập để cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh L. Tuy nhiên, do anh đang đang phải chấp hành cai nghiện không thể đến Tòa để tham gia tố tụng nên đã có đơn xin hòa giải và xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay chị D vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành của nguyên đơn kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Đối với bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt anh L là đúng quy định.

Về nội dung: Đại diện VKS đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng***: Đây là vụ án ly hôn, bị đơn cư trú tại thành phố T. Do đó, Tòa án thành phố T thụ lý và giải quyết là đúng quy định. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh L để tham gia phiên tòa nhưng anh đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh L là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị Lê Thùy D và anh Nguyễn Quang L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, anh chị đều thừa nhận vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn. Mặc dù, anh L không đồng ý ly hôn nhưng cũng không nêu được lý do. Kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương thể hiện: mặc dù địa phương không biết được mâu thuẫn của anh chị nhưng anh L là đối tượng nghiện ma túy tại địa phương, hiện nay đang phải đi tập trung cai nghiện. Do đó, yêu cầu của anh L về việc không đồng ý ly hôn là không có cơ sở để chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay chị D vẫn cương quyết xin được ly hôn anh L. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân gia đình xử cho chị Lê Thùy D được ly hôn anh Nguyễn Quang L là phù hợp.

Về con: Anh chị có 02 con chung: cháu Nguyễn Linh C - SN 23/10/2014 và cháu Nguyễn Ngọc D1 - SN 22/9/2020. Ly hôn, chị D xin được nuôi 02 cháu, anh L không đồng ý giao 02 cháu cho chị D nuôi. Tuy anh L không đồng ý giao 02 cháu cho chị D nuôi dưỡng nhưng anh cũng thừa nhận do anh đang phải đi chấp hành cai nghiện nên không có đủ điều kiện để chăm sóc và cấp dưỡng nuôi con. Chị D có công việc và thu nhập ổn định, 02 cháu lâu nay đều do chị D chăm sóc. Xét thấy, nguyện vọng xin nuôi con của chị D là hoàn toàn chính đáng, do đó giao 02 cháu cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp.

Về phần cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án chị D không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Về tài sản, công nợ: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/QH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: Chị D và anh L được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

***Về hôn nhân*:** Xử cho chị Lê Thùy D được ly hôn anh Nguyễn Quang L.

Về con: Công nhận cháu Nguyễn Linh C - SN 23/10/2014 và cháu Nguyễn Ngọc D1 - SN 22/9/2020 là con chung của chị D và anh L. Giao 02 cháu cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh L có quyền đi lại thăm nom con chung, không được ai cản trở.

Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Chị Lê Thùy D phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị đã nộp theo biên lai số AA/2021/0002787 ngày 23/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh Hóa (chị D đã nộp đủ án phí).

Chị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THATPTH;
- U;
- Lưu hồ sơ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thủy